# Crisfield Academy and High School

**Somerset County (19:0702)**

| % Tỉ Lệ Chuyên Cần | Trường 2015 | Trường 2014 | Quận 2015 | Quận 2014 | Tiểu bang 2015 | Tiểu bang 2014 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tiểu học | * | * | **94.8** | ≥ 95.0 | **95.4** | 95.7 |
| Sơ trung | **91.7** | 92.6 | **93.7** | 94.2 | **95.0** | 95.4 |
| Cao | **91.7** | 93.4 | **92.3** | 92.9 | **92.4** | 92.7 |

| Tỉ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm% | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Lớp 2014 (Tỉ Lệ 4 Năm) | | 86.67 | | 85.57 | | 86.39 |
| Lớp 2014 (Tỉ Lệ 5 Năm) | **86.67** | | **86.46** | | **88.70** | |

| Năng Lực Giáo Viên | Trường 2015 | Trường 2014 | Quận 2015 | Quận 2014 | Tiểu bang 2015 | Tiểu bang 2014 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **% chứng chỉ:** | | | | | | |
| Chuyên Môn Tiêu Chuẩn | **40.0** | 40.0 | **44.2** | 41.5 | **27.4** | 27.2 |
| Chuyên Môn Nâng Cao | **56.0** | 52.0 | **53.9** | 49.1 | **65.2** | 65.5 |
| Giáo Viên Nội Trú | **0.0** | 0.0 | **0.0** | 0.0 | **1.1** | 0.7 |
| Giáo Viên Có Điều Kiện | **4.0** | 4.0 | **0.6** | 0.6 | **1.5** | 1.0 |
| **% lớp KHÔNG được phụ trách bởi các giáo viên có năng lực** | | | | | | |
| Tất Cả Điểm Tứ Phân Vị | **15.9** | 10.5 | **7.1** | 5.0 | **8.4** | 7.6 |
| Tiểu Học, Tỉ Lệ Nghèo Thấp | * | * | * | * | **2.9** | 3.0 |
| Tiểu Học, Tỉ Lệ Nghèo Cao | * | * | **1.1** | 0.0 | **10.5** | 11.4 |
| Sơ Trung, Tỉ Lệ Nghèo Thấp | * | * | * | * | **6.7** | 6.0 |
| Sơ Trung, Tỉ Lệ Nghèo Cao | * | * | **12.7** | 9.5 | **17.7** | 15.7 |

***"*" cho biết không có học sinh nào hoặc có dưới 10 học sinh thuộc loại này.***

## Tỉ Lệ Chuyên Cần

Tỉ Lệ Chuyên Cần là tỷ lệ học sinh trong trường đi học ít nhất một nửa số ngày học trung bình trong năm học. Chuyên cần là số đo về trách nhiệm của nhà trường đối với các trường tiểu học và sơ trung. Các mục tiêu hàng năm về chuyên cần đã được đặt ra sao cho đến cuối năm học 2013-14, Tiểu Bang, các trường, và các hệ thống trường học sẽ đạt được và duy trì tỉ lệ chuyên cần ít nhất là 94 phần trăm.

## Tỉ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm

Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ hiện nay yêu cầu mỗi tiểu bang phải sử dụng tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm để đánh giá trách nhiệm của nhà trường. Tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm đã điều chỉnh đảm bảo rằng tất cả học sinh nào vào lớp 9 cùng nhau sẽ được tính vào tỉ lệ tốt nghiệp khi kết thúc 4 năm và khi kết thúc 5 năm.

Dữ liệu tỉ lệ tốt nghiệp theo nhóm cho năm 2014 là tỉ lệ 4 năm đối với nhóm học sinh vào lớp chín lần đầu vào mùa thu 2010 và tốt nghiệp không trễ hơn năm 2014. Tỉ lệ 5 năm trong năm 2014 là cùng nhóm đó tốt nghiệp không trễ hơn năm 2015.

## Năng Lực Giáo Viên

Tỉ lệ giáo viên ở từng loại dựa trên số giáo viên có năng lực và giảng dạy các môn chính theo định nghĩa của chính quyền liên bang theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em. Các môn học chính là tiếng Anh, đọc hoặc ngữ văn, toán, khoa học, ngoại ngữ, giáo dục công dân và chính phủ, kinh tế, nghệ thuật, lịch sử, và địa lý. Giáo viên nào dạy các môn khác không được tính vào tổng số.

**Chứng Chỉ Chuyên Môn Tiêu Chuẩn**: Chứng Chỉ Chuyên Môn Tiêu Chuẩn cho thấy giáo viên đáp ứng mọi yêu cầu chứng nhận.

**Chứng Chỉ Chuyên Môn Nâng Cao**: Chứng Chỉ Chuyên Môn Nâng Cao (Advanced Professional Certificate) đòi hỏi phải có ba năm kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến hoạt động của nhà trường đạt yêu cầu, và bằng thạc sĩ hoặc tối thiểu 36 giờ học trình độ sau tú tài trong học kỳ.

**Chứng Chỉ Giáo Viên Nội Trú**: Chứng Chỉ Giáo Viên Nội Trú được cấp cho giáo viên trong một chương trình dự bị thay thế được duyệt theo yêu cầu của một giám đốc hệ thống trường học địa phương.

**Chứng Chỉ Giáo Viên Có Điều Kiện**: Chứng Chỉ Có Điều Kiện chỉ được cấp theo yêu cầu của giám đốc hệ thống trường học địa phương cho một đương đơn nào có bằng cử nhân nhưng không đáp ứng tất cả các yêu cầu chứng nhận.

**Giáo Viên Có Năng Lực Cao**: "Có Năng Lực Cao" được định nghĩa cụ thể theo luật pháp liên bang. Giáo viên phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu cả về kiến thức môn học và kỹ năng giảng dạy. Giáo viên phải có bằng cử nhân, chứng nhận đầy đủ của Tiểu Bang, và thể hiện kiến thức ở các môn mình phụ trách.

## Tiến Bộ Của Nhà Trường và Các Mục Tiêu Có Thể Đánh Giá Hàng Năm (AMO)

Vào ngày 10 tháng Mười Hai, 2015, Tổng Thống Obama ký Đạo Luật Đảm Bảo Sự Thành Công Của Mọi Học Sinh (Every Student Succeeds Act, ESSA). Theo thẩm quyền của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ (USED) để đảm bảo sự chuyển tiếp có trật tự sang ESSA, USED sẽ không yêu cầu các Tiểu Bang xác định mục tiêu AMO cho các năm học 2014-2015 hoặc 2015-2016 để USED đánh giá và phê duyệt, USED cũng không yêu cầu các Tiểu Bang báo cáo thành tích dựa trên AMO cho các năm học 2014-2015 hoặc 2015-2016.

Do có sự chỉ đạo này, Maryland sẽ không đánh giá LEA và các trường dựa trên AMO.

# Crisfield Academy and High School

## Các Trình Độ Thành Thạo của MSA

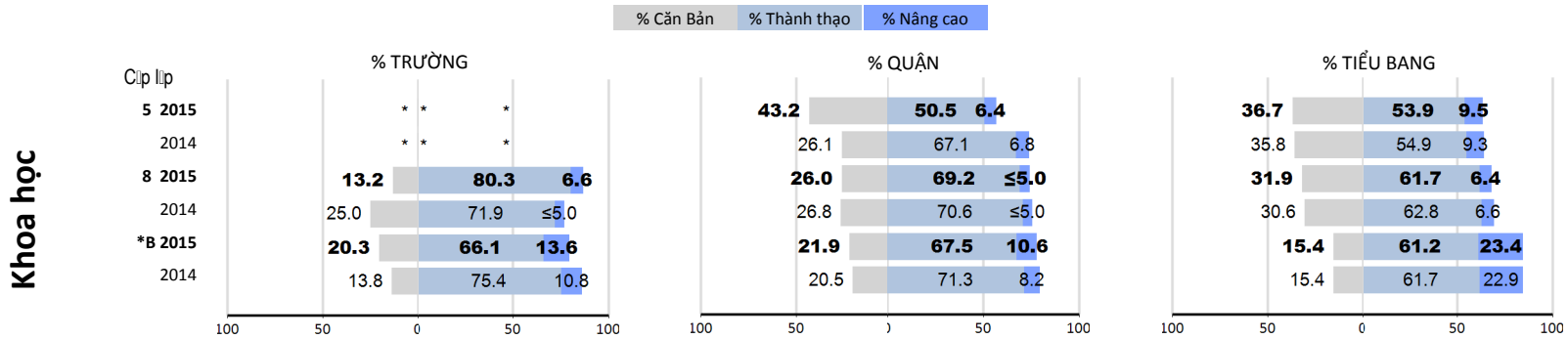


"*" cho biết không có học sinh nào hoặc có dưới 10 học sinh thuộc loại này. ***B**: Sinh học

## Kỳ Thi của Các Trường Maryland (MSA)

MSA đánh giá kiến thức của học sinh lớp 5 và 8 về Khoa Học. Thành tích trung học được đánh giá bằng Kỳ Thi Trung Học Môn Sinh Học (Biology High School Assessment, HSA). Thành tích được báo cáo dưới dạng tỉ lệ học sinh ở từng khối lớp đã đạt được tiêu chuẩn Căn Bản, Thành Thạo, hoặc Nâng Cao. Tất cả học sinh phải đạt được tiêu chuẩn Thành Thạo hoặc Nâng Cao.

### Mô Tả Trình Độ Thành Thạo

| | Khoa học: | Sinh học: |
|---|---|---|
| % Căn Bản | Học sinh thể hiện rằng các em cần học thêm để đạt được trình độ thành thạo. Các em sử dụng bằng chứng bổ trợ tối thiểu, và các câu trả lời cung cấp ít hoặc không cung cấp sự tổng hợp thông tin. | Học sinh thể hiện kiến thức tối thiểu về các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng sinh học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin hạn chế và kiến thức về thuật ngữ khoa học. |
| % Thành thạo | Học sinh sử dụng bằng chứng bổ trợ nói chung hoàn thành với sự kết hợp nào đó các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng khoa học. | Học sinh thể hiện mức thành tích thực tế và cao bằng cách thể hiện kiến thức về các khái niệm sinh học và khả năng sử dụng bằng chứng khoa học để kết hợp tổng quát các khái niệm, nguyên tắc và/hoặc kỹ năng khoa học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin nào đó và kiến thức về thuật ngữ khoa học. |
| % Nâng cao | Học sinh sử dụng bằng chứng khoa học để thể hiện sự kết hợp đầy đủ các khái niệm, nguyên tắc, và/hoặc kỹ năng khoa học. | Học sinh thể hiện mức thành tích mẫu mực bằng cách thể hiện kiến thức hoàn chỉnh về các khái niệm sinh học và khả năng sử dụng bằng chứng khoa học để kết hợp đầy đủ các khái niệm, nguyên tắc và/hoặc kỹ năng khoa học. Các câu trả lời của học sinh cho thấy có sự tổng hợp thông tin đầy đủ và kiến thức về thuật ngữ khoa học. |

# Crisfield Academy and High School

## Các Trình Độ Thành Thạo của Alt-MSA

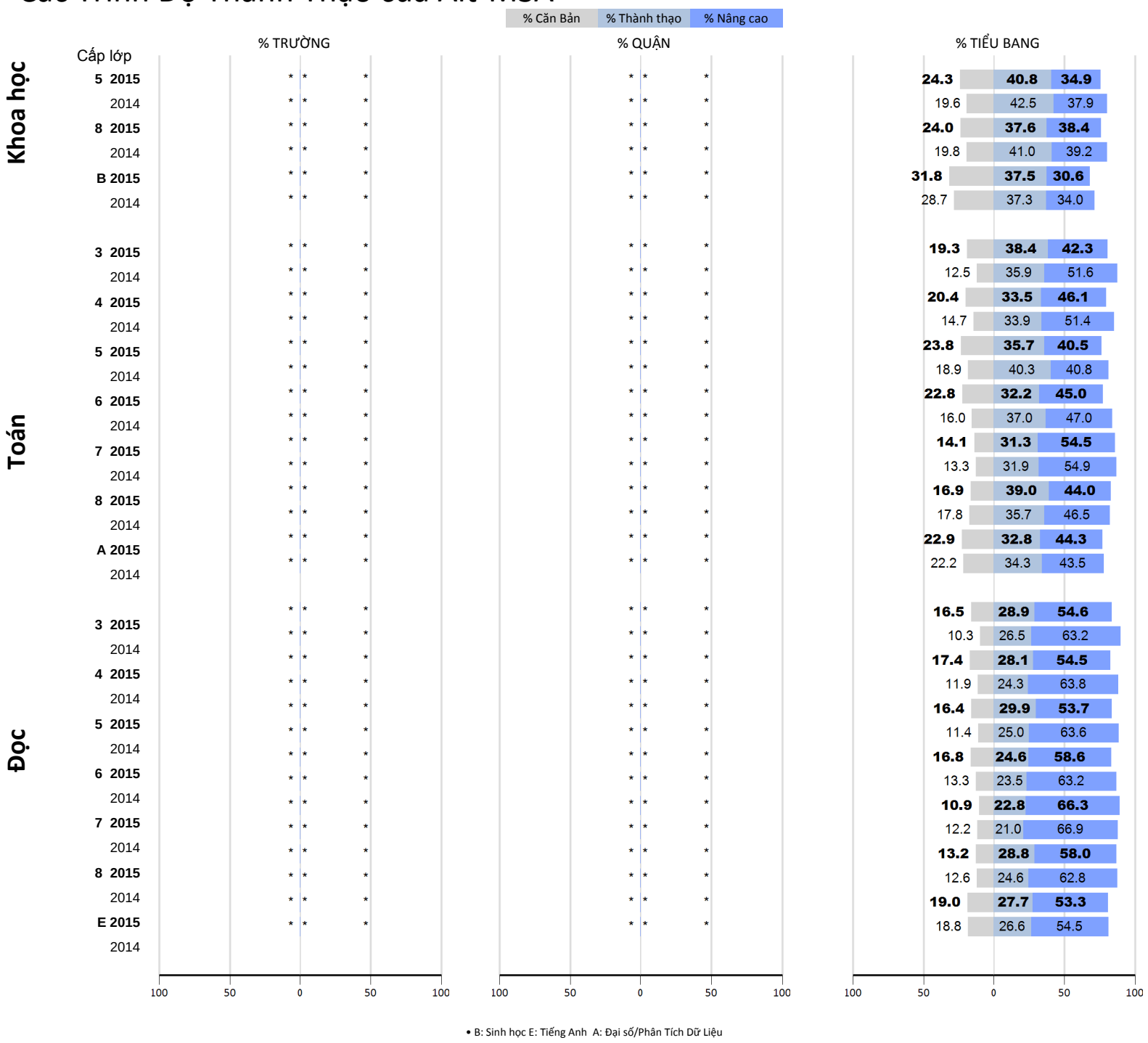


• B: Sinh học E: Tiếng Anh A: Đại số/Phân Tích Dữ Liệu

## Kỳ Thi Thay Thế của Các Trường Maryland (Alternate Maryland School Assessment, Alt-MSA)

Kỳ Thi Thay Thế của Các Trường Maryland (Alt-MSA) dành cho học sinh khuyết tật nào không thể tham dự kỳ thi MSA môn Khoa Học hoặc kỳ thi PARCC môn Ngữ Văn Anh hoặc Toán ngay cả khi có các biện pháp điều chỉnh đặc biệt mà các em nhận được trong quá trình học trong lớp bình thường. Kỳ thi này đánh giá trình độ thành thạo của học sinh đối với các tiêu chuẩn nội dung môn đọc và toán hoặc các kỹ năng tiếp cận thích hợp. Học sinh đủ điều kiện sẽ tham gia kỳ thi này ở lớp 3-8 và một lần trong nhóm khối lớp trung học. Thành tích được báo cáo dưới dạng tỉ lệ học sinh ở từng khối lớp đã đạt được tiêu chuẩn Căn Bản, Thành Thạo, hoặc Nâng Cao.

# Crisfield Academy and High School

## Hiệu suất đánh giá kết quả Tóm tắt các PARCC - 2015

| | | | Mức Thành Tích | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Trình độ 1 | | Trình độ 2 | | Trình độ 3 | | Trình độ 4 | | Trình độ 5 | |
| | | | Không đáp ứng yêu cầu | | Phần nào đáp ứng yêu cầu | | Gần đáp ứng yêu cầu | | Đáp ứng yêu cầu | | Vượt yêu cầu | |
| | ĐÃ KIỂM TRA | | Số | % | Số | % | Số | % | Số | % | Số | % |
| ***Tiếng Anh/Ngữ Văn 8*** | Tiểu bang | 59335 | 10111 | 17.0 | 10969 | 18.5 | 14240 | 24.0 | 19839 | 33.4 | 4176 | 7.0 |
| | Quận | 205 | 40 | 19.5 | 51 | 24.9 | 56 | 27.3 | 52 | 25.4 | * | ≤5.0 |
| | Trường | 75 | 8 | 10.7 | 13 | 17.3 | 22 | 29.3 | 28 | 37.3 | 4 | 5.3 |
| ***Tiếng Anh/Ngữ Văn 10*** | Tiểu bang | 55651 | 11886 | 21.4 | 10044 | 18.0 | 11628 | 20.9 | 15650 | 28.1 | 6443 | 11.6 |
| | Quận | 178 | 44 | 24.7 | 40 | 22.5 | 44 | 24.7 | 41 | 23.0 | 9 | 5.1 |
| | Trường | 75 | 21 | 28.0 | 14 | 18.7 | 15 | 20.0 | 21 | 28.0 | 4 | 5.3 |
| ***Toán 8*** | Tiểu bang | 41166 | 11971 | 29.1 | 11126 | 27.0 | 8530 | 20.7 | 8056 | 19.6 | 1483 | 3.6 |
| | Quận | 205 | 40 | 19.5 | 53 | 25.9 | 64 | 31.2 | 48 | 23.4 | * | ≤5.0 |
| | Trường | 75 | 11 | 14.7 | 11 | 14.7 | 30 | 40.0 | 23 | 30.7 | * | ≤5.0 |
| ***Đại số I*** | Tiểu bang | 61842 | 8047 | 13.0 | 17712 | 28.6 | 16757 | 27.1 | 18194 | 29.4 | 1132 | 1.8 |
| | Quận | 120 | 22 | 18.3 | 54 | 45.0 | 42 | 35.0 | * | ≤5.0 | * | ≤5.0 |
| | Trường | 43 | * | ≤5.0 | 20 | 46.5 | 19 | 44.2 | * | ≤5.0 | * | ≤5.0 |
| ***Đại số II*** | Tiểu bang | 40580 | 13057 | 32.2 | 10917 | 26.9 | 8430 | 20.8 | 7820 | 19.3 | 356 | 0.9 |
| | Quận | 114 | 32 | 28.1 | 48 | 42.1 | 28 | 24.6 | 6 | 5.3 | * | ≤5.0 |
| | Trường | 45 | 11 | 24.4 | 21 | 46.7 | 9 | 20.0 | 4 | 8.9 | * | ≤5.0 |

**Chương Trình Hợp Tác Đánh Giá Sự Sẵn Sàng vào Đại Học và Đi Làm (PARCC)**

Vào năm 2015 Maryland triển khai các kỳ thi mới của tiểu bang theo chương trình Hợp Tác Đánh Giá Sự Sẵn Sàng Vào Đại Học và Đi Làm (Partnership for Assessment of Readiness for College and Careers, PARCC) ở môn đọc và toán. Các kỳ thi mới này thay thế cho Các Kỳ Thi của Các Trường Maryland ở môn tiếng Anh và Toán lớp 3-8, và thay thế Các Kỳ Thi Trung Học môn Đại Số và tiếng Anh 10 đối với tất cả học sinh chưa tốt nghiệp vào năm 2015.

**Các Từ Mô Tả Trình Độ Thành Tích (PLD) PARCC**

Các từ mô tả trình độ thành tích đối với môn ngữ văn Anh/đọc viết và Toán mô tả những gì một học sinh bình thường ở từng trình độ sẽ có thể thể hiện dựa trên trình độ thành thạo các tiêu chuẩn cấp lớp của các em.

Trình độ 1: Không đáp ứng yêu cầu
Trình độ 2: Phần nào đáp ứng yêu cầu
Trình độ 3: Sắp đáp ứng yêu cầu
Trình độ 4: Đã đáp ứng yêu cầu
Trình độ 5: Vượt yêu cầu